TÒA ÁN NHÂNDÂN **HUYỆN T** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HS - ST
Ngày: 08/5/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Công Diễn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Ngô Văn Hòa

Bà: Hồ Thị Thúy Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hàn My - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2019/TLST - HS ngày 14 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST - HS ngày 22 tháng 4 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Hồ Văn H, sinh ngày 25/9/1989 tại thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: T tại thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nông; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Cor; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn V và bà Hồ Thị D; có vợ Hồ Thị T1 và 02 người con, lớn nhất 7 tuổi, nhỏ nhất 3 tuổi; tiền án: Không, tiền sự: không; Bị cáo được áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 15/01/2019; "có mặt".

2. Hồ Văn V, tên gọi khác: không, sinh ngày 08/8/1996 tại xã Trà B, huyện Q tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: xã Trà B, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nông; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Cor; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn F; con bà: Hồ Thị T2; Vợ, con chưa có; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo được áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 15/01/2019, "có mặt".

3. Huỳnh Duy N, tên gọi khác: không, sinh ngày 16/3/1994; tại Thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: Thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nông; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông không rõ; con bà Huỳnh Thị C; có vợ Hồ Thị Đ, con 01

đứa sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo được áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 15/01/2019; "có mặt".

4. Hồ Văn N1, tên gọi khác: không, sinh ngày 15/10/1993 tại Thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: Thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nông; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Cor; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con Hồ Văn T2; con bà: Hồ Thị K1; vợ con chưa có; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo được áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 15/01/2019; "có mặt".

5. Hồ Văn H1, tên gọi khác: không, sinh ngày 06/6/1990 tại Thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: Thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nông; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Cor; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn T3; con bà: Hồ Thị N2; có vợ Hồ Thị L, con 02 đứa lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo được áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 15/01/2019; "có mặt".

6. Hồ Văn Đ, Tên gọi khác: không, sinh ngày 07/10/1997 tại Thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: Thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nông; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Cor; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn P; con bà: Hồ Thị S; vợ, con chưa có; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo được áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 15/01/2019; "có mặt".

7. Hồ Văn G, tên gọi khác: không, sinh ngày 17/11/1998 tại xã B, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: Thôn 2, xã B, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nông; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Cor; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn F; con bà: Hồ Thị T2; Vợ, con chưa có; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo được áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 15/01/2019; "có mặt".

8. Huỳnh Văn Y, tên gọi khác: Không, sinh ngày 10/11/1989 tại Thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: Thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nông; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông không rõ; con bà Huỳnh Thị C; có vợ Hồ Thị L, con 02 đứa lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo được áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 15/01/2019; "có mặt".

9. Hồ Văn J, tên gọi khác: Không, sinh ngày 12/11/1998 tại Thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: Thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nông; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Cor; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn K và bà Hồ Thị X1; vợ con chưa có; tiền án, tiền sự:

không. Bị cáo được áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 15/01/2019; "có mặt".

10. Hồ Văn L1, tên gọi khác: Không, sinh ngày 03/7/1995.tại Thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: Thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nông; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Cor; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn V và bà Hồ Thị D; có vợ Hồ Thị N3; con 01 đứa sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo được áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 15/01/2019; "có mặt".

11. Hồ Văn K1, Tên gọi khác: Không, sinh ngày 14/5/1996 tại Thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: Thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nông; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Co; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con Hồ Văn T2; con bà: Hồ Thị K1; vợ con chưa có; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo được áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 15/01/2019; "có mặt".

12. Hồ Văn B1, tên gọi khác: Không, sinh ngày 19/5/1988 tại Thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: Thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nông; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Cor; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con Hồ Văn S1; con bà: Hồ Thị Â; có vợ Đinh Thị L; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo được áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 15/01/2019; "có mặt".

- *Những người bào chữa:*

1. Bà Phạm H C – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi, bào chữa cho bị cáo Hồ Văn H (sinh năm 1989), Hồ Văn V, Hồ Văn G; "có mặt".

2. Ông Trần N – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi, bào chữa cho bị cáo Hồ Văn L, Hồ Văn N1; "có mặt".

3. Ông Nguyễn Xuân P – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi, bào chữa cho bị cáo Hồ Văn H1 (sinh năm 1990), Hồ Văn Đ, Hồ Văn J; "có mặt".

4. Ông Nguyễn C1 K – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi, bào chữa cho bị cáo Hồ Văn K1, Hồ Văn B1, Huỳnh Duy N; "vắng mặt".

5. Ông Đoàn N – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi, bào chữa cho bị cáo Huỳnh Văn Y; "có mặt".

- *Các bị hại:*

1. Ông: Nguyễn C1 – Sinh năm 1973

Trú tại: Thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; "có mặt".

2. Bà: V õ T3– Sinh năm: 1975

Trú tại: thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; ủy quyền cho ông Nguyễn C1; "có mặt".

3. Ông: Châu Văn T – Sinh ngày 01 tháng 9 năm 1983.

Trú tại: KDC 17, TDP 6, thị trấn T4, huyện Xã Q, tỉnh Quảng Ngãi; "vắng mặt".

4. Ông: Lê Q2 – Sinh ngày 27 tháng 6 năm 1991.

Trú tại: Xóm 6, thôn Vĩnh R, xã H4, huyện S2, tỉnh Quảng Ngãi; " vắng mặt".

5. Ông: Võ Nguyễn D – Sinh ngày 09 tháng 11 năm 1989

Trú tại: KDC 17, TDP 6, thị trấn T4, huyện Xã Q, tỉnh Quảng Ngãi; "vắng mặt".

6. Ông: Võ T – Sinh ngày 05 tháng 4 năm 1990

Trú tại: Xóm 4, thôn Vĩnh R, xã H4, huyện S2, tỉnh Quảng Ngãi; "vắng mặt".

7. Ông: Võ L – Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1973

Trú tại: KDC 17, TDP 6, thị trấn T4, huyện Xã Q, tỉnh Quảng Ngãi; "vắng mặt".

8. Ông: Đặng C H – Sinh ngày 13 tháng 02 năm 1995

Trú tại: KDC 1, TDP 1, thị trấn T4, huyện Xã Q, tỉnh Quảng Ngãi; "vắng mặt".

9. Ông: Võ D H – Sinh ngày 06 tháng 8 năm 1983

Trú tại: KDC 19, TDP 6, thị trấn T4, huyện Xã Q, tỉnh Quảng Ngãi; "vắng mặt".

10. Ông: Võ V H – Sinh ngày 10 tháng 02 năm 1990

Trú tại: KDC 17, TDP 6, thị trấn T4, huyện Xã Q, tỉnh Quảng Ngãi; "vắng mặt".

11. Ông: Lê V M – Sinh ngày 29 tháng 9 năm 1972

Trú tại: Xóm 1, thôn Vĩnh R, xã H4, huyện S2, tỉnh Quảng Ngãi; "vắng mặt".

12. Ông: Hồ Thanh H – Sinh ngày 17 tháng 02 năm 1985

Trú tại: thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; "có mặt".

13. Ông: Hồ N5 – Sinh ngày 12 tháng 4 năm 1985

Trú tại: thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; "vắng mặt".

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh: Hồ Văn L3 – sinh ngày 16 tháng 02 năm 1989

Trú tại: thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; "có mặt".

2. Anh: Hồ Văn S3 – Sinh ngày 16 tháng 3 năm 1989

Trú tại: thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; "có mặt".

3. Anh: Hồ Văn V3 – Sinh ngày 19 tháng 5 năm 1993

Trú tại: thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; "có mặt".

4. Anh: Hồ Văn X2 – Sinh ngày 05 tháng 7 năm 1999.

Trú tại: thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; "có mặt".

- *Những người làm chứng:*

1. Anh: Hồ N6 – Sinh ngày 19 tháng 10 năm 1994.

Trú tại: thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; "có mặt".

2. Ông: Bùi Văn S – Sinh năm: 1962

Trú tại: tổ 1, thôn V2, xã A, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; "vắng mặt"

3. Ông: Hồ Văn T2– Sinh năm: 1961

Trú tại: thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; "có mặt'.

4. Anh: Hồ Văn B3 – Sinh ngày 20 tháng 10 năm 1995.

Trú tại: thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; "vắng mặt".

5. Anh: Nguyễn Tấn C – Sinh ngày 16 tháng 9 năm 1995

Trú tại: KDC 17, TDP 2, thị trấn T4, huyện Xã Q, tỉnh Quảng Ngãi; "vắng mặt".

6. Anh: Nguyễn Văn T – Sinh ngày 29 tháng 01 năm 1984

Trú tại: KDC 12, TDP 6, thị trấn T4, huyện Xã Q, tỉnh Quảng Ngãi; "vắng mặt".

7. Anh: Nguyễn T – Sinh năm: 2002

Trú tại: thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; "vắng mặt".

8. Anh: Nguyễn Duy C – Sinh năm 1996

Trú tại: Đội 5, thôn B3, xã B4, huyện Xã Q, tỉnh Quảng Ngãi; "vắng mặt".

9. Anh: Hồ Văn Lâm – Sinh năm 1996

Trú tại: thôn Cả, xã F2, huyện Xã Q, tỉnh Quảng Ngãi; "vắng mặt".

10. Anh: Hồ Văn G1 – Sinh năm 1992

Trú tại: thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; "vắng mặt" ; "vắng mặt".

11. Ông: Hồ Văn V4 – Sinh ngày 02 tháng 4 năm 1946.

Trú tại: thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; "vắng mặt".

12. Ông: Hồ Văn I – Sinh năm 1979.

Trú tại: thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; "vắng mặt".

13. Anh: Hồ Văn I1 – Sinh ngày 15 tháng 5 năm 1981

Trú tại: thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; "vắng mặt".

14. Bà: Hồ Thị S6 - Sinh năm 1969

Trú tại: thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; "vắng mặt".

15. Chị: Hồ Thị M3 – Sinh năm 1985

Trú tại: thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; "có mặt".

16. Ông: Hồ Văn L4 – Sinh ngày 01 tháng 3 năm 1950

Trú tại: thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; "vắng mặt".

17. Ông: Hồ Phi C – Sinh năm 1969

Trú tại: thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; "vắng mặt'.

18. Ông: Hồ Văn T5 – Sinh năm 1950

Trú tại: thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; "có mặt".

19. Anh: Hồ Văn P2 – Sinh năm 1983

Trú tại: thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; "vắng mặt".

20. Anh: Hồ Văn P3 – Sinh ngày 22 tháng 8 năm 1985

Trú tại: thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; "vắng mặt'.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 15/7/2017, Hồ Văn T2, sinh 1961, trú tại: Tổ 1, thôn M, xã A, huyện T, Quảng Ngãi có đến đứng trước ngõ nhà ông Nguyễn C1, trú cùng thôn nói chuyện và cải vã với bà Võ T3(G) là vợ của ông C1 về việc hôm trước bò của T2thả rông giẫm keo của nhà bà T3 và T3 đã lùa bò của ông T2 đi chỗ khác. Trong lúc nói chuyện cải vã qua lại với nhau thì Nguyễn Tấn C (L), trú tại Khu dân cư 17, Tổ dân phố 2, thị trấn T4, Xã Q là cháu ruột bà T3 (C làm keo cho vợ chồng bà T3 nên có mặt tại đó) chạy đến dùng tay đánh vào mặt ông T2một cái nhưng không bị thương tích gì rồi đẩy ông T2ra ngoài đường. Nhìn thấy ông T2bị đánh nên Hồ Văn S là cháu ruột của ông T2từ trong nhà của mình ở gần đó chạy đến dùng tay đánh và ôm vật lộn với C được ông C1 can ngăn rồi ông C1 kéo Chung đi vào trong nhà. Lúc này tại trước nhà ông C1 gồm có: Hồ Văn H, sinh 1989; Hồ Văn K1; Hồ Văn Bé; Hồ Văn K4 - sinh 2002 (; Hồ Văn H4 (cháu ruột ông T2); Hồ Văn U (em ruột H4); Hồ Văn Th, tất cả cùng trú tại Tổ 1, thôn M, xã A, T. Tại đây những người này và C có lời nói thách thức qua lại với nhau. Thấy vậy nên Nguyễn T, sinh 2002 (T là con của ông C1) có điện thoại cho Võ L, trú tại Đội 6, thị trấn T4, Xã Q và Võ Nguyễn D, trú tại Tổ dân phố 6, thị trấn T4, Xã Q (L và D là bà con của bà T3) thông báo sự việc và nhờ lên giúp đỡ can ngăn, thì bà T3 có nói là "Lát nửa tụi nó lên". Nghe vậy sợ xảy ra đánh nhau tiếp nên ông C1 nói với S và khuyên mọi người giải tán đi về nhà. Sau khi mọi người giải tán đi về nhà thì anh Hồ N5 là Công an viên xã A đến nhà ông C1 để giải quyết vụ việc. Lúc này, sau khi nghe Tài gọi thì Võ Nguyễn D, Võ L cùng Nguyễn Văn T và Võ V H, tất cả cùng trú tại thị trấn T4, huyện Xã Q chạy xe máy đến nhà ông C1. Tại đây, D nghe C kể về việc mình bị đánh thì D và H chạy xe máy đi tìm Hồ Văn H4 để nói chuyện phải trái. Đến nhà H4 thìD có dùng mũ bảo hiểm đánh H4 nhưng không bị thương tích gì và bảo H4 cùng Hồ Văn U (em ruột H4) đi đến nhà ông C1 để nói chuyện phải trái với C. Trong lúc nói chuyện, vì tức giận nên C có dùng ghế nhựa đánh H4 02 cái nhưng được mọi người can ngăn, sau đó H4 và U bắt tay với C giải hòa rồi bỏ về nhà của mình. Biết H4 bị đánh nên Hồ Văn H, sinh 1989 (bà con với H4) tức giận điện thoại cho Huỳnh Duy N, sinh 1994, trú tại tổ 3, thôn M, xã A thông báo sự việc và nói tìm người xuống giúp Hồ Văn H để người của Hồ Văn H đánh lại người ở nhà ông C1. Nghi nghe vậy đồng ý và rủ thêm Hồ Văn L, Hồ Văn B; Hồ N5; Hồ Văn V; Hồ Văn X; Hồ Văn H1 - sinh 1990; Hồ Văn J; Hồ Văn Đ; Hồ Văn Th - sinh 2001, tất cả cùng đi xe máy đến tập trung trước sân nhà anh Hồ Văn H4. Sau khi điện thoại cho N thì H (1989) điện thoại cho Huỳnh Văn Y rủ với nội dung tương tự như trên thì Y đồng ý tham gia, H (1989) lại điện thoại rủ tiếp Hồ Văn V và Hồ Văn G (là hai anh em ruột), cả hai cùng trú tại Thôn 2, Xã B, Xã Q (V, H là cháu ruột của H). Nghe H rủ thì V, H đồng ý và rủ thêm Hồ Văn H6; Hồ Quang N, sinh 2000, Hồ Văn S cùng đến tập trung trước sân nhà Hồ Văn H4. Lúc này thì Hồ Văn S (thôn trưởng thôn M) có điện thoại cho Hồ Văn T5 thông báo sự việc và nhờ giúp đỡ.

Sau khi số đông người đã tập trung trước nhà của Hồ Văn 4 (trong đó có một số người thấy đông nên hiếu kỳ đến xem) thì Hồ Văn H, Hồ Văn N1kêu gọi kéo xuống nhà ông C1, khi đi đa số có đem theo hung khí như: Cây sắt, cây gỗ, đá,… ; tại nhà ông C1, lúc này có anh Hồ Thanh H – Trưởng Công an xã A (anh H là Công an huyện tăng cường về xã) mặc quân phục cùng Hồ Văn K4 là Công an viên đang giải quyết vụ việc đánh nhau trước đó. Trong lúc đang làm việc với ông C1 thì đám đông ở ngoài la hét và dùng gạch, đá, cây ném vào trong nhà ông C1. Thấy vậy nên anh H chạy ra can ngăn nói Công an xã đang làm việc nhưng đám đông quá khích vẫn tiếp tục la hét và dùng cây, gạch, đá, …xông vào trong nhà ông C1 đập phá tài sản của gia đình ông C1 và xe máy của các cá nhân khác, cụ thể: Hồ Văn H cầm khúc cây gỗ đập vào hàng rào, nhặt 05 vỏ chai bia Dung Quất và 03 cục đá ném vào trong nhà ông C1; Huỳnh Văn Y cầm khúc cây gỗ đập vào xe máy, rồi cầm cây và đèn pin đứng canh xem có ai trong nhà ông C1 chạy ra thì hô hoán đuổi bắt, lấy 01 chai bia Dung Quất uống và cầm vỏ chai ném vào trong nhà ông C1; Hồ Văn Sơn cầm đèn pin đi xung quanh nhà ông C1 tìm kiếm phát hiện người trốn trong nhà ông C1 thì hô hào đuổi bắt; Hồ Văn L nhặt 03 cục đá ném vào trong nhà ông C1 rồi khiêng 01 thùng vỏ chai bia Dung Quất từ trong nhà ông C1 ra ngoài đường đập phá; Hồ Văn L cầm 01 khúc cây gỗ và cầm 01 cục đá ném vứt bỏ vào khu vực đất trống phía sau nhà ông C1; Huỳnh Duy N cầm 01 đoạn cây sắt chạy vào sân nhà ông C1 tìm người nhưng không thấy thì chạy vòng ra phía sau nhà đứng canh và dùng cây sắt đập chết con vịt của gia đình ông C1; Hồ Văn V cầm 01 khúc cây gỗ đứng canh trước nhà ông C1; Hồ Văn H, sinh 1990 cầm 01 khúc cây gỗ và nhặt 04 đến 05 cục đá ném vào trong nhà ông C1; Hồ Văn Đ cầm 01 khúc cây gỗ chạy vào trong nhà ông C1 tìm người để bắt, dùng cây đập phá tài sản trong nhà và đập mái ngói nhà ông C1; Hồ Văn J cầm đèn pin chạy xung quanh nhà ông C1 tìm kiếm người để hô hào đuổi bắt và nhặt 02 vỏ chai bia ném vào trong nhà ông C1; Hồ Văn Xin nhặt 02 khúc cây gỗ và đưa cho Hồ Văn H 01 khúc còn bản thân cầm 01 khúc để làm hung khí và nhặt 01 cục đá nhưng không ném vào trong nhà ông C1 mà vứt bỏ; Hồ Văn K1 cầm 01 đoạn cây gỗ và nhặt 02 cục đá ném vào trong nhà ông C1; Hồ Văn N1nhặt 01 cục đá ném vào trong nhà ông C1; Hồ Văn V nhặt 03 cục đá ném vào trong nhà ông C1 và cầm 01 đoạn cây sắt xông vào đập bể bóng đèn điện trong nhà ông C1; Hồ Văn G cầm 01 đoạn cây sắt xông vào trong nhà ông C1 và nhặt 01 cục đá ném vào trong nhà ông C1; Hồ Văn B1 cầm đèn pin đi vòng ra phía sau nhà ông C1 tìm người và có nhặt 01 cục đá ném vào trong nhà ông C1 làm hư hỏng nhiều tài sản của ông C1 và xe máy của các cá nhân khác cho đến khi lực lượng Công an huyện đến thì số người này mới giải tán.

Tại biên bản kiểm tra tài sản bị thiệt hại và bản kết luận việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 05/KL-HĐĐGTS ngày 12/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T Kết luận tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là: 26.475.000 đồng (Hai mươi sáu triệu bốn trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

* Về tang vật vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã lập biên bản tạm giữ các vật chứng gồm: 01 điện thoại di động cầm tay nhãn hiệu NOKIA màu đen, sim 1 có số điện thoại 01239395303 của Huỳnh Văn Y; 01 điện thoại di động cầm tay có nhãn hiệu NOKIA màu đen, sim 1 có số điện thoại 01648347291 của Hồ Văn H, sinh 1989; 01 típ sắt vuông có chiều dài 95cm; 01 típ sắt vuông có chiều dài 94,6cm; 01 khúc gỗ có chiều dài 76cm; 01 khúc gỗ có chiều dài 62cm.

* Về trách nhiệm dân sự:

Về tài sản của gia đình ông C1 bị thiệt hại:

Các bị cáo đã nhận thấy hành vi của mình gây ra là sai trái, vi phạm pháp luật và đã tự nguyện khắc phục cho gia đình ông C1 tổng số tiền là 10.500.000 đồng.

Trong đó:

Hồ Văn H (1989), Huỳnh Văn Y, Hồ Văn L, Huỳnh Duy N, Hồ Văn K1, Hồ Văn N, Hồ Văn V, Hồ Văn G, Hồ Văn B1, mỗi bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho gia đình ông Nguyễn C1 số tiền là: 1.000.000 đồng.

Hồ Văn H (1990), Hồ Văn Đ, Hồ Văn J mỗi bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho gia đình ông Nguyễn C1 số tiền là 500.000 đồng.

Các bị cáo đã công khai đến nhà xin lỗi gia đình ông Nguyễn C1 về hành vi của mình đã gây ra, gia đình ông Nguyễn C1 đã có đơn bãi nại.

Đối với tài sản xe máy: Vào ngày 23 tháng 11 năm 2017 các bị cáo thống nhất trị giá số tiền bị thiệt hại 12 chiếc xe trong kết luận của Hội đồng định giá tài sản huyện T là 8.725.000 đồng. Riêng Hồ Thanh H và Hồ N5, Võ D H không yêu cầu bồi thường số tiền 3.130.000 đồng, nên còn lại 5.595.000 đồng, những người bị hại còn lại yêu cầu bồi thường.

Tại cáo trạng số 63/CT - VKS - HS ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố các bị cáo Hồ Văn H và các đồng phạm về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản" theo khoản 1 Điều 178 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa kiểm sát viên thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 178, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 tuyên phạt các bị cáo Hồ Văn H (sinh năm 1989) từ 18 đến 24 tháng tù, Hồ Văn V từ 12 đến 18 tháng tù, Hồ Văn N1từ 12 đến 18 tháng tù, Hồ Văn J từ 6 đến 12 tháng tù, Huỳnh Văn Y từ 6 đến 12 tháng tù, Hồ Văn B1 từ 6 đến 12 tháng tù, Hồ Văn L1 từ 6 đến 12 tháng tù, Hồ Văn G từ 6 đến 12 tháng tù, Hồ Văn K1 từ 6 đến 12 tháng tù, Hồ Văn H1 (Sn 1990) từ 6 đến 12 tháng tù, Huỳnh Duy N từ 6 đến 12 tháng tù, Hồ Văn Đ từ 6 đến 12 thàng tù cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho vợ chồng ông Nguyễn C1 và bà võ Thị T4, L ê Q C; Võ Nguyễn D; Võ Văn L; Đặng C H; Võ Văn Hu; Châu Văn T, Võ T; ; L ê V M.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy 01 tuýp sắt vuông có chiều dài 95 cm, chỗ to nhất có chu vi là 08cm, 01 tuýp sắt vuông chiều dài 94,6cm chỗ to nhất có chu vi là 8cm, 01 khúc gỗ chiều dài 76cm, 01 khúc gỗ chiều dài 62cm, 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen trong thân máy có 02 khe sim, sim1 số điện thoại 01239395303; sim 2 không có sim và 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen trong thân máy có 02 khe sim, sim 1 số điện thoại 01648347291; sim 2 không có sim.

Ý kiến của các trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho các bị cáo:

Thống nhất với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội mình nhưng thiếu hiểu biết về pháp luật; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về động cơ, mục đích nêu trên của bị cáo, xem xét về nhân thân của bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, sau khi thực hiện hành vi, bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội và đã bồi thường, khắc phục một phần trách nhiệm dân sự. Đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại các điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 65, khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 178 của Bộ luật hình sự năm 2015 cho các bị cáo Hồ Văn H (1989), Hồ Văn V, Huỳnh Duy N, Hồ Văn H1 (1990), Hồ Văn Đ, Hồ Văn G, Hồ Văn J, Hồ Văn K1, Hồ Văn B1 được hưởng án treo; các bị cáo Hồ Văn L, Hồ Văn N1, Huỳnh Văn Y phạt cải tạo không giam giữ

Các bị cáo không có lời tranh luận gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ phạm tội:

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận: Khoảng 18 giờ ngày 15/7/2017, Hồ Văn T2có đến đứng trước ngõ nhà ông Nguyễn C1 nói chuyện và cải vã với bà Võ T3(Gái) là vợ của ông C1 về việc hôm trước bò của T2thả rông giẫm keo của nhà bà T3 và T3 đã lùa bò của ông T2đi chỗ khác. Trong lúc nói chuyện cải vã với nhau thì Nguyễn Tấn C (L) là cháu ruột bà T3 (C làm keo cho vợ chồng bà T3 nên có mặt tại đó) chạy đến dùng tay đánh vào mặt ông T2một cái rồi đẩy ông T2ra ngoài đường. Nhìn thấy ông T2bị đánh nên Hồ Văn S là cháu ruột của ông T2từ trong nhà của mình ở gần đó chạy đến dùng tay đánh và ôm vật lộn với C, được ông C1 can ngăn. Lúc này trước nhà ông C1 có Hồ Văn H, sinh

1989; Hồ Văn K1; Hồ Văn B2; Hồ Văn H4 (cháu ruột ông T); Hồ Văn U ; Hồ Văn Th có lời nói thách thức lại với C. Thấy vậy Nguyễn T (con của ông C1) có điện thoại cho Võ L và Võ Nguyễn D (L và D là bà con của bà T3) thông báo sự việc và nhờ đến can ngăn, thì bà Thành có nói "lát nửa tụi nó lên". Nghe vậy sợ xảy ra đánh nhau tiếp nên ông C1 nói với S và khuyên mọi người giải tán. Lúc này Võ Nguyễn D, Võ L cùng Nguyễn Văn T và Võ V H chạy xe máy đến nhà ông C1. Tại đây, D nghe C kể về việc mình bị đánh thì D và H chạy xe máy đi tìm Hồ Văn H4 để nói chuyện phải trái. Khi đến nhà H4 thì D có dùng mũ bảo hiểm đánh H4 nhưng không bị thương tích gì và bảo H4 cùng Hồ Văn U (em ruột H4) đi đến nhà ông C1 để nói chuyện phải trái với C. Trong lúc nói chuyện, vì tức giận nên C có dùng ghế nhựa đánh H4 02 cái nhưng được mọi người can ngăn. Biết H4 bị đánh nên Hồ Văn H, sinh 1989 (bà con với H4) tức giận điện thoại cho Huỳnh Duy N thông báo sự việc và nói tìm người xuống giúp H để người của H đánh lại người ở nhà ông C1, Nghi nghe vậy đồng ý và rủ thêm Hồ Văn Luận; Hồ Văn Bảo; Hồ N5; Hồ Văn Vén; Hồ Văn X1; Hồ Văn H, sinh 1990; Hồ Văn J; Hồ Văn Đ; Hồ Văn Th cùng đi xe máy đến tập trung trước sân nhà anh Hồ Văn H4. Sau khi điện thoại cho N1 thì H (1989) điện thoại cho Huỳnh Văn Y với nội dung tương tự như trên thì Y đồng ý tham gia, H (1989) lại điện thoại rủ tiếp Hồ Văn V và Hồ Văn G (là hai anh em ruột, là cháu ruột của H). Nghe H rủ thì V, G đồng ý và rủ thêm những người cùng thôn cùng đến tập trung trước sân nhà Hồ Văn H4. Hồ Văn H, Hồ Văn N1kêu gọi kéo xuống nhà ông C1 đứng ngoài la hét và dùng gạch, đá, cây ném vào nhà, sau đó vào trong nhà đập phá làm hư hỏng nhiều tài sản của vợ chông ông C1 và xe máy của các cá nhân khác, hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác được nhà nước bảo vệ.

[3] Về tính chất, mức độ phạm tội:

Tại bản kết luận việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 05/KL - HĐĐGTS ngày 12/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T Kết luận tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là: 26.475.000 đồng (Hai mươi sáu triệu bốn trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

[4] Xét hành vi của các bị cáo:

Bị cáo Hồ Văn H (sinh năm 1989); mặc dù là người không liên quan, không có mâu thuẫn với gia đình ông C1 mà vụ việc trước đó hai bên đã tự hòa giải, Công an xã A đang giải quyết, nhưng bị cáo điện thoại rủ nhiều người thông báo sự việc và nhờ giúp đỡ tham gia để đánh lại người nhà ông C1, sau khi tập trung số đông tại nhà của Hồ Văn H4, H khởi xướng cùng với Hồ Văn N1 kêu gọi nhiều người; bị cáo Hồ Văn V rủ thêm nhiều người khác, đồng thời trực tiếp nhặt 03 cục đá tích cực xông vào nhà đập bể bóng đèn cùng với các bị cáo khác gây thiệt hại về tài sản cho gia đình ông C1 và của những người khác. Hành vi của các bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật.

Đối với các bị cáo: Huỳnh Văn Y, Hồ Văn L, Huỳnh Duy N, Hồ Văn H (1990), Hồ Văn Đ, Hồ Văn J, Hồ Văn K1, Hồ Văn G, Hồ Văn B1 tham gia thực

hiện tội phạm với vai trò là người thực hiện khi được rủ rê bắt nguồn từ lời khởi xướng của bị cáo H (1989).

Các bị cáo có đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình; do vậy cần áp dụng mức hình phạt tương xứng, tương ứng với hành vi của từng bị cáo.

[5] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 143 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 không quy định hình phạt tiền; tại khoản 1 Điều 178 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 có quy định hình phạt tiền, đây là quy định có lợi cho người phạm tội. Do vậy cần áp dụng khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015 và nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 để áp dụng khoản 1 Điều 178 của Bộ luật hình sự năm 2015 khi lượng hình đối với các bị cáo.

Tuy nhiên sau khi phạm tội các bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục một phần hậu quả; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo. Mặc khác các bị cáo đều có nhân thân tốt, sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặt biệt khó khăn; Bị cáo Hồ Văn H (1989) là con bệnh binh, gia đình có công với cách mạng; bị cáo Hồ Văn H (1989), Hồ Văn L, Hồ Văn H1 (1990), Hồ Văn J, Hồ Văn K1, Hồ Văn N1, Hồ Văn V, Hồ Văn G, Hồ Văn B1 là người đồng bào dân tộc thiểu số; tại phiên tòa người bị hại xin cho các bị cáo được hưởng án treo; nên cần xem đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và áp dụng điều 65 của Bộ luật hình sự nắm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để cho các bị cáo được hưởng án treo cũng vẫn đạt mục đích giáo dục, cải tạo người phạm tội và phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo đều làm nghề nông, thu nhập thấp; nên không áp dụng đối với các bị cáo.

[7]Đề nghị của Kiểm sát viên:

Đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Người bào chữa đề nghị:

Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đề nghị cho bị cáo Hồ Văn H (1989), Hồ Văn V, Hồ Văn N1, Hồ Văn H1, Hồ Văn Đ, Hồ Văn G, Hồ Văn J, Hồ Văn K1, Hồ Văn B1 được hưởng án treo. Đề nghị của các trợ giúp viên pháp lý là phù hợp, nên cần ghi nhận.

Riêng bị cáo Hồ Văn L, Huỳnh Duy N, Huỳnh Văn Y, các trợ giúp viên pháp lý yêu cầu cho hưởng án cải tạo không giam giữ là chưa đảm bảo tính giáo dục, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

Tài sản của gia đình ông C1 bị thiệt hại là 17.750.000 đồng, các bị cáo đã bồi thường 10.500.000 đồng; tại phiên tòa anh Hồ Văn L, Hồ Văn S, Hồ Văn X1, Hồ Văn V1 không yêu cầu số tiền đã giao cho ông C1 2.500.000 đồng; ông C1 tự nguyện khấu trừ, còn lại 4.750.000 đồng yêu cầu các bị cáo tiếp tục trả, ngoài

ra không yêu cầu gì thêm. Do vậy cần buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho gia đình ông Nguyễn C1 và bà Võ Thị T3; liên đới bồi thường cho Lê Q C; Võ Nguyễn D; Võ Văn L; Đặng C H; Võ Văn H; Châu Văn T, Võ T; L ê V M.

Đối với Hồ Thanh H, Hồ Văn N1, V õ D H tự nguyện không yêu cầu bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xét.

[10] Về tang vật vụ án:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy:

- 01 tuýp sắt vuông có chiều dài 95 cm, chỗ to nhất có chu vi là 8cm.
- 01 tuýp sắt vuông chiều dài 94,6cm, chỗ to nhất có chu vi là 8cm.
- 01 khúc gỗ chiều dài 76cm.
- 01 khúc gỗ chiều dài 62cm.
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen trong thân máy có 02 khe sim, sim1 số điện thoại 01239395303; sim 2 không c ó sim v à 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen trong thân máy có 02 khe sim, sim1 số điện thoại 01648347291; sim 2 không có sim. Vì không còn giá trị sử dụng.

[11]. Đối với Hồ Văn S, Hồ Văn L, Hồ Văn V1, Hồ Văn X1 trong qu á tr ình điều tra đã thừa nhận hành vi của mình. Thế nhưng trong quá trình điều tra có sự thay đổi về ch ính sách, pháp luật làm cho hành vi phạm tội của các bị cáo không còn huy hiểm cho xã hội nửa; do vậy cơ quan điều tra đã ra quyết định đình chỉ điều tra đối với các bị can nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật.

[12]. Việc xô xát đánh nhau giữa Nguyễn Tấn C, Võ Nguyễn D với Hồ Văn T2, Hồ Văn H4 Hồ Văn S trước khi xảy ra vụ việc nhưng chưa gây hậu quả nghiêm trọng, không ai bị thương tích các bên đã tự hòa giải, Công an x ã A đã ra quyết định xử phạt hành C1nh đối với Nguyễn Tấn C, Võ Nguyễn D theo quy định của pháp luật, nên không đặt ra giải quyết.

[13] Về án phí án phí HSST, án phí DSST:

Xét bị cáo Hồ Văn H (1989), Hồ Văn V, Hồ Văn N1, Hồ Văn H, Hồ Văn Đ, Hồ Văn G, Hồ Văn J, Hồ Văn L, Hồ Văn K1, Hồ Văn B1 là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; bị c áo Huỳnh Duy N v à Huỳnh Văn Y là cá nhân thuộc hộ nghèo; các bị cáo đã có đơn xin miễn nộp tiền án phí. Căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12, 14 và Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử xét miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 178, Điều 17 và khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/1017 của Quốc Hội khóa XIV.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Hồ Văn H (sinh năm 1989), Huỳnh Duy N, Huỳnh Văn Y, Hồ Văn V, Hồ Văn G, Hồ Văn N1, Hồ Văn K1, Hồ Văn J, Hồ

Văn B1, Hồ Văn L1, Hồ Văn Đ, Hồ Văn H1(sinh năm 1990) phạm tội: "Cố ý làm hư hỏng tài sản".

- Áp dụng Điều 50; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt Bị cáo Hồ Văn H (sinh năm 1989) 01 năm 06 tháng (một năm sáu tháng) tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 năm (ba năm) kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng Điều 50; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Xử phạt các bị cáo:

Hồ Văn V 01 năm (một năm) tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm(hai năm) kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Hồ Văn N101 năm (một năm) tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm(hai năm) kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng Điều 50; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt các bị cáo:

Hồ Văn L1 06 tháng (sáu tháng) tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01năm (một năm) kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Hồ Văn H1 (sinh năm 1990) 06 tháng (sáu tháng) tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01năm (một năm) kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Hồ Văn Đ 06 tháng (sáu tháng) tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01năm (một năm) kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Hồ Văn J 06 tháng (sáu tháng) tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01năm (một năm) kể từ ngày tuyên án sơ thẩm**.**

Hồ Văn G 06 tháng (sáu tháng) tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01năm (một năm) kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Hồ Văn B1 06 tháng (sáu tháng) tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01năm (một năm) kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Hồ Văn K1 06 tháng (sáu tháng) tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01năm (một năm) kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Huỳnh Văn Y 06 tháng (sáu tháng) tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01năm (một năm) kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Huỳnh Duy N 06 tháng (sáu tháng) tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01năm (một năm) kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo: Hồ Văn H, Huỳnh Văn Y, Hồ Văn L, Huỳnh Duy N, Hồ Văn H (sinh năm 1990), Hồ Văn Đ, Hồ Văn J, Hồ Văn K1, Hồ Văn N1, Hồ Văn B1 cho UBND xã A, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Giao các bị cáo: Hồ Văn V, Hồ Văn G cho UBND xã X ã B, huyện X ã Q, tỉnh Quảng Ngãi để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách: Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở

lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 46; khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 30 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 587 và Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường số tiền thiệt hại về tài sản cho vợ chồng anh Nguyễn C1, chị Võ T3 là 4.750.000 đồng (đã trừ số tiền các bị cáo đã bồi thường trước 10.500.000 đồng) và các ông Lê Q C 1.180.000 đồng; Võ Nguyễn D 1.980.000 đồng; Võ Văn L 275.000 đồng; Đặng C H 480.000 đồng; Võ Văn H 540.000 đồng; Châu Văn T 505.000 đồng, Võ T 395.000 đồng; Lê V M 240.000 đồng. Tổng cộng:10.345.000 đồng, mỗi bị cáo phải bồi thường 862.083 đồng.

3.Về vật chứng trong vụ án:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên tịch thu, tiêu hủy:

- 01 tuýp sắt vuông có chiều dài 95 cm, chỗ to nhất có chu vi là 8cm.
- 01 tuýp sắt vuông chiều dài 94,6cm, chỗ to nhất có chu vi là 8cm.
- 01 khúc gỗ chiều dài 76cm.
- 01 khúc gỗ chiều dài 62cm.
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen trong thân máy có 02 khe sim, sim1 số điện thoại 01239395303; sim 2 không có sim và 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen trong thân máy có 02 khe sim, sim 1 số điện thoại 01648347291; sim 2 không có sim số theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 04 tháng 12 năm 2017 giữa Công an huyện T với cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

4. Về án phí sơ thẩm:

Áp dụng Điều 135 và Điều 136 của BLTTHS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

5. Tiếp tục thực hiện lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú để đảm báo cho việc thi hành án đối với các bị cáo.

Các bị cáo, những người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08/5/2019).

Riêng những người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại UBND xã nơi cư trú, quyền được yêu cầu công bố hay không công bố bản án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu bên thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên, bên thi hành án còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Cơ quan điều tra Công an huyện;
- Cơ quan THAHS thuộc Công an huyện;
- Những người tham gia tố tụng;
- Thi hành án DS huyện;
- UBND xã Xã B, huyện Xã Q;
- UBND xã A, huyện T;
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Công Diễn